

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG NỘI VỤ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1174 /NV
V/v chấm điểm thi đua
cho ngành Giáo dục và Đào tạo
năm học 2019 – 2020

Quận 11, ngày 02 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng 46 trường học công lập;

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, Phòng Nội vụ tiếp nhận Công văn số 594/GDDT-VP của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc các phòng ban chuyên môn phối hợp chấm bảng điểm 1100 cho ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2019 – 2020.

Sau khi rà soát các nội dung chỉ tiêu thi đua, Phòng Nội vụ gửi đến các đơn vị dự thảo Bảng điểm thi đua do Phòng Nội vụ chấm cho ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2019 – 2020.

Để kịp thời tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân Quận, Phòng Nội vụ đề nghị các đơn vị rà soát các nội dung điểm thi đua (đính kèm Bảng điểm) và có ý kiến trực tiếp với Chuyên viên Phòng Nội vụ phụ trách các nội dung chỉ tiêu thi đua **chậm nhất ngày 08 tháng 7 năm 2020**. Sau thời gian nêu trên, đơn vị không có ý kiến thì xem như thống nhất với các nội dung chấm điểm thi đua của Phòng Nội vụ. *Quản*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV. (QHĐN, 47)



Tô Thị Thanh Thúy

S T T	Nội dung chi tiêu thi đua	Thang điểm	Trường Mầm non																	
			Phương 1		Phương 2		Phương 3		Phương 4		Phương 5		Phương 6		Phương 7		Phương 8		Phương 9	
			Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm
6.	Kê khai tài sản	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
7.	Công tác đào tạo	10	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	9	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>
8.	Đi nước ngoài	20	20	20	20	20	20	20	20	<u>19,5</u>	20	20	20	20	20	20	20	20	20	<u>19,5</u>
9.	Giải quyết chế độ, chính sách	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
II.	Công tác Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng	50	49,5	49,5	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
1.	Công tác tham mưu	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
2.	Công tác Thi đua	20	19,5	19,5	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
3.	Công tác khen thưởng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
TỔNG CỘNG		300	298,5	297,5	300	298,5	299	299	297	295	299	299	298	297	300	299	294	299	299	298,5
CHÊNH LỆCH			-1,0		-1,5		0		-2,0		0		-1,0		-1,0		5,0		-0,5	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Bång 1B)

BẢNG ĐIỂM THI ĐUA CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2019 – 2020

[illegible]

S T T		Nội dung chỉ tiêu thi đua	Thang điểm	Trường Mầm non															
				Phương 10		Phương 11		Phương 12		Phương 13		Phương 14		Phương 15		Phương 16		Quận 11	
				Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm
6.	Kê khai tài sản	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	
7.	Công tác đào tạo	10	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	
8.	Đi nước ngoài	20	20	20	20	<u>19,5</u>	20	20	20	19	19	20	20	20	20	20	20	<u>17</u>	
9.	Giải quyết chế độ, chính sách	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	
II.	Công tác Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng	50	50	50	50	50	50	48	48	50	50	50	50	50	50	50	50	50	
1.	Công tác tham mưu	20	20	20	20	20	20	19	19	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
2.	Công tác Thi đua	20	20	20	20	20	20	19	19	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
3.	Công tác khen thưởng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
TỔNG CỘNG:		300	299,5	298,5	298	298	298	298,5	298	297	295	298	299	298,5	299	298	300	296	
CHÊNH LỆCH			<i>-1,0</i>		<i>0</i>		<i>0,5</i>		<i>-1,0</i>		<i>3,0</i>		<i>-0,5</i>		<i>-1,0</i>		<i>-4,0</i>		

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Bảng 2A)

BẢNG ĐIỂM THI ĐUA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2019 – 2020

[illegible]

S T T	Nội dung chỉ tiêu thi đua	Thang điểm	Trường Tiểu học																				
			Lê Đình Chinh		Thái Phiên		Đại Thành		Chuyên biệt 15/5		Hàn Hải Nguyên		Trung Trắc		Phú Thọ		Quyết Thắng		Hòa Bình				
			Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm			
8.	Đi nước ngoài	20	20	<u>18</u>	20	20	20	20	20	20	20	<u>17</u>	20	20	20	<u>19</u>	20	20	20	20			
9.	Giải quyết chế độ, chính sách	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30			
II.	Công tác Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	49	49	50	50			
1.	Công tác tham mưu	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	19	19	20	20			
2.	Công tác Thi đua	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20			
3.	Công tác khen thưởng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10			
TỔNG CỘNG:		300	298,5	296	300	299	300	299,5	300	299,5	300	296	300	299	300	298	293	291,5	300	299			
CHÊNH LỆCH					-2,50			-1,0			-0,5			-4,0			-1,0			-1,5			-1,0

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Bảng 2B)

BẢNG ĐIỂM THI ĐUA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2019 – 2020

[illegible]

Trường Tiểu học																						
S T T	Nội dung chi tiêu thi đua	Thang điểm	Nguyễn Bá Ngọc		Phùng Hưng		Lạc Long Quần		Đề Thám		Âu Cơ		Trần Văn Ơn		Phạm Văn Hai		Nguyễn Thi		Hưng Việt		Nguyễn Thị Nhỏ	
			Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm
7.	Công tác đào tạo	10	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	10	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>	10	<u>9,5</u>
8.	Đi nước ngoài	20	20	20	20	<u>17,5</u>	20	<u>18,5</u>	20	<u>18</u>	20	<u>16,5</u>	20	<u>19,5</u>	20	20	20	<u>19</u>	20	<u>19</u>	20	20
9.	Giải quyết chế độ, chính sách	30	30	30	30	30	30	30	30	30	27	27	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
II.	Công tác Quản lý nhà nước về TĐKT	50	50	50	50	50	50	50	50	50	38,5	38,5	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
1.	Công tác tham mưu	20	20	20	20	20	20	20	20	20	16	16	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
2.	Công tác Thi đua	20	20	20	20	20	20	20	20	20	15,5	15,5	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
3.	Công tác khen thưởng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	7	7	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
TỔNG CỘNG:		300	300	299,5	298	295	300	298	300	298	270,5	266,5	300	298	300	299,5	300	298,5	299	297	300	299
CHÊNH LỆCH			-0,5		-3,0		-2,0		-2,0		-4,0		-2,0		-0,5		-1,5		-2,0		-1,0	

S T T	Nội dung chi tiêu thi đua	Thang điểm	Trường THCS																Trường Bồi dưỡng giáo dục			
			Chu Văn An		Lữ Gia		Hậu Giang		Ng. Văn Phú		Lê Quý Đôn		Ng. Minh Hoàng		Lê Anh Xuân		Phú Thọ				Nguyễn Huệ	
			Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm	Tự chấm	PNV chấm			Tự chấm	PNV chấm
7.	Công tác đào tạo	10	10	<u>9.5</u>	10	<u>9.5</u>	10	<u>9.5</u>	10	<u>9.5</u>	10	<u>9.5</u>	9	9	10	<u>9.5</u>	10	<u>9.5</u>	10	<u>9.5</u>		
8.	Di nước ngoài	20	20	<u>13.5</u>	17	18	20	<u>19</u>	20	<u>16.5</u>	20	20	20	20	20	<u>19</u>	20	<u>9.5</u>	20	20		
9.	Giải quyết chế độ, chính sách	30	30	30	30	<u>30</u>	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30		
II.	Công tác Quản lý nhà nước về TĐKT	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	49	49	50	50	48	48	50	50		
1.	Công tác tham mưu	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	19	19	20	20	20	20	20	20		
2.	Công tác Thi đua	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	18	18	20	20		
3.	Công tác khen thưởng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10		
TỔNG CỘNG:		300	295	288	297	295	300	298	295	290	300	298,5	297	296,5	298	295,5	297	295,5	299	298		
CHÊNH LỆCH			-7,50		-2,0		-2,0		-5,0		-1,5		-0,5		-2,5		-1,5		-1,0			